TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 17/2023/HNST
Ngày: 17 – 3 - 2023
V/v "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST- HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mỹ N, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Đội 3, thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2022, bản tự khai ngày 05/10/2022, nguyên đơn Chị Đỗ Thị Mỹ N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H sau thời gian tìm hiểu đã quyết định về chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T (nay là thị trấn T), huyện H,

tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, không muốn tiếp tục chung sống và duy trì hôn nhân nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N yêu cầu để chị và anh H tự giải quyết, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại các buổi làm việc nên chị N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân và các nội dung khác.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý đơn của chị Đỗ Thị Mỹ N, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và triệu tập anh Trần Minh H lên Tòa án để làm việc nhưng anh H không có mặt để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh H cũng vắng mặt đến lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nên không ghi nhận được ý kiến của anh H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án anh H đều vắng mặt mà không lý do. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt đến lần thứ 02 mà không lý do nên anh H đã từ bỏ quyền lợi của mình tại tòa án; Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt là quyền của nguyên đơn theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Mỹ N: Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết yêu cầu của nguyên đơn cho chị Đỗ Thị Mỹ N được ly hôn

với anh Trần Minh H; Về con chung: Vợ chồng không có nên đề nghị không giải quyết; Về tài sản chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu nên đề nghị chưa giải quyết; Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên cũng đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Trần Minh H, hiện nay anh H cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt liên tiếp 02 lần tại phiên tòa, do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và các tài liệu, chứng cứ xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H sau thời gian tìm hiểu đã quyết định về chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T (nay là thị trấn T), huyện H, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, không muốn tiếp tục chung sống và duy trì hôn nhân nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh H để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là anh H nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để các đương sự hòa giải đoàn tụ nhưng anh H không có mặt để hòa giải (từ bỏ quyền hòa giải) và chị N yêu cầu không hòa giải. Mặt khác, tại biên bản ngày

26/12/2022 Tòa án đã xác minh Ban Khu phố nơi chị N, anh H sinh sống về tình trạng hôn nhân thì được cung cấp, anh H và chị N không thường xuyên sống chung với nhau trong thời gian dài. Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên sau này, cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh H của chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N yêu cầu để chị và anh H tự giải quyết, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đặt ra để Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Mỹ N phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 264, 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Mỹ N về việc ly hôn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trần Minh H.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2015 ngày 13/7/2015 của UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện H, tỉnh Bình Phước)

- *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị N yêu cầu để Chị và anh H tự giải quyết, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa giải quyết.

- *Về nợ chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đặt ra để Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Đỗ Thị Mỹ N phải chịu số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014131 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Đương sự;
- UBND TT.T, H;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học